

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘC HÓA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA-TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khởi.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Lai

2/ Bà Lý Thị Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh D, sinh năm: 1996, địa chỉ : Số 123, Ấp Đ, xã B, thị xã K, tỉnh Long An (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Nguyên Kha T, sinh năm: 1998, địa chỉ : Ấp 2, xã T, huyện M, tỉnh Long An (*vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn, Ông Lê Thanh D trình bày:*

Ông và Bà Lê Nguyên Kha T cưới nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An vào năm 2018. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông, bà hay bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã. Nay Ông D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với Bà Lê Nguyên Kha T.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Kha T có 02 người con chung tên Lê Thanh Kh, sinh ngày 08/12/2018 (giới tính: Nam) và Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 19/3/2020 (giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn Ông D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, giao bà T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Cẩm T, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Thanh D trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn, Bà Lê Nguyên Kha T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đến hòa giải và triệu tập đến phiên tòa xét xử nhưng bà Kha T vắng mặt. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Kha T vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Bà Lê Nguyên Kha T: Bà T đã được tổng đạt giấy báo tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt Bà Lê Nguyên Kha T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh D và Bà Lê Nguyên Kha T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An vào năm 2018 đúng với quy định của Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Ông D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Kha T do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho Ông D và bà Kha T tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng bà Kha T vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của Ông D. Hơn nữa, Ông D cương quyết yêu cầu ly hôn với bà Kha T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*, Hội đồng xét xử xét

thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Ông D và bà Kha T đã trầm trọng, đời sống chung hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Lê Thanh Duy đối với Bà Lê Nguyên Kha T.

[3.2] Nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông D yêu cầu được nuôi dưỡng 01 người con chung tên Lê Thanh Kh, sinh ngày 08/12/2018 (giới tính: Nam), giao bà T nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 19/3/2020 (giới tính: nữ). Bà Tiểu không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của Ông D. Xét thấy, yêu cầu nuôi dưỡng con chung của Ông Lê Thanh D là phù hợp và có căn cứ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”*, Hội đồng xét xử giao cho Ông Lê Thanh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh Kh, giao cho Bà Lê Nguyên Kha T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Cẩm T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy Ông Lê Thanh D tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Bà Lê Nguyên Kha T không có văn bản thể hiện ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, do đó Ông D đề nghị không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Thanh D xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Thanh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Thanh D đối với bị đơn Bà Lê Nguyên Kha T.

Quan hệ hôn nhân: Cho Ông Lê Thanh D được ly hôn với Bà Lê Nguyên Kha T.

Con chung: Giao cho Ông Lê Thanh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh Kh, sinh ngày 08/12/2018 ( giới tính: Nam). Giao cho Bà

Lê Nguyên Kha T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Cẩm T, 19/3/2020 ( giới tính: Nữ). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Thanh D xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí: Ông Lê Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010372 ngày 28/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã Bình Hiệp, Tx Kiến Tường;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Khởi**